

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 21/4/2023

*“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ma Quốc Thể và ông Hoàng Văn Hùng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc *“Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02<sup>a</sup>/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H., sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Ma Văn T., sinh năm 198. Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. kết hôn với nhau vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. (nay là xã T.), huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 11/2022 chị Nguyễn Thị Thanh H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị H. xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T..

Về con chung: Có 02 con chung là Ma Thị Diễm Th, sinh ngày 02/3/2009 và Ma Anh T, sinh ngày 4/01/2011. Khi ly hôn chị H. đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị được nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con.

Lời khai của cháu Ma Thị Diễm Th và Ma Anh Tr. có trong hồ sơ thể hiện nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ.

Về tài sản chung chị Nguyễn Thị Thanh H. xác định tự thỏa thuận với anh Ma Văn T., không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh thể hiện:* Anh Ma Văn T. có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. (nay là xã T.), huyện S., tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Y, xã T, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, đến khoảng 2-3 năm gần đây (khoảng năm 2019) vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm, anh T. ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị H. có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Hiện nay anh T. là lao động tự do thường xuyên không có mặt ở địa phương, còn chị H. đang làm công nhân công ty và vẫn ở tại địa phương.

Anh Ma Văn T. không có mặt ở địa phương, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T. vẫn không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. (nay là xã T.), huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H. được ly hôn với anh Ma Văn T.; về con chung: giao cháu Ma Thị Diễm Th, sinh ngày 02/3/2009 và Ma Anh T, sinh ngày 4/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Thanh H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T. nhiều lần nhưng anh không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Ma Văn T. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. (nay là xã T.), huyện S., tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/12/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Tháng 11/2022 chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. Quá trình chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân, anh T. không có mặt ở địa phương nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H. được ly hôn với anh Ma Văn T..

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. có 02 con chung là Ma Thị Diễm Th, sinh ngày 02/3/2009 và Ma Anh T, sinh ngày 4/01/2011.

Xét thấy, cháu Ma Thị Diễm Th và Ma Anh Tr. là con chung của chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Hiện tại, anh T. đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết cháu Ma Thị Diễm Th và Ma Anh Tr. đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H. có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Ma Thị Diễm Th, sinh ngày 02/3/2009 và Ma Anh T, sinh ngày 4/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Ma Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị

Nguyễn Thị Thanh H. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H. xác định tự thỏa thuận với anh Ma Văn T. sau ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H. và anh Ma Văn T. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H. được ly hôn với anh Ma Văn T..

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Diễm Th, sinh ngày 02/3/2009 và Ma Anh T, sinh ngày 4/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002436 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn Thị Thanh H. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- - TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**

